

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**  
**QUẢNG CÁO TRUYỀN THÔNG TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG**

**Số: - VTADS/VDS/VIETTEL-...../20....**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Viễn thông năm 2009 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Luật Quảng cáo năm 2012 và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung;
- Căn cứ Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13/08/2008 về chống thu rác và Nghị định số 77/2012/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 90/2008/NĐ-CP;

Hợp đồng cung cấp dịch vụ Quảng cáo Truyền thông trên mạng Viễn thông (sau đây gọi tắt là "**Hợp đồng**") được lập và ký ngày.....tháng..... năm 20..., tại số 01 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội giữa các Bên sau đây:

**1.** .....

Trụ sở chính (viết hóa đơn): .....

Văn phòng đại diện: .....

Giấy ĐKKD số: .....

Do ....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Tài khoản số: .....

Mở tại Ngân hàng: .....

Mã số thuế: .....

Điện thoại: .....Fax.....

Người đại diện: .....

Chức vụ: .....

CMND: .....

(Sau đây gọi tắt là "**Bên A**")

**VÀ**

**2. Tổng công ty Dịch vụ số Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội**

**Giấy ĐKKD số: 0100109106-478**

**Trụ sở chính: Số 01, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội.**

**Mã số thuế: 0100109106-478**

**Người đại diện: Ông Phạm Trung Kiên.**

**Chức vụ: Tổng Giám đốc**

(Sau đây gọi tắt là "**Bên B**")

(Bên A và Bên B được gọi chung dưới đây là "Các Bên" hoặc gọi riêng là "Mỗi Bên" hoặc "Một Bên")

## **Điều 1: Giải thích từ ngữ**

1.1. **Dịch vụ Quảng cáo Truyền thông:** là dịch vụ cung cấp cho các đơn vị là cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp các hình thức quảng cáo truyền thông như qua hình thức gửi tin nhắn thương hiệu (brandname); cài ứng dụng quảng cáo; hiển thị flash; cài đặt nhạc chờ; tin nhắn đa phương tiện kèm hình ảnh, âm thanh hoặc trailer (MMS) cho khách hàng là các thuê bao có nhu cầu nhận tin hoặc cài đặt dịch vụ (và chưa từ chối) các thông tin quảng cáo. Trong Hợp đồng này gọi tắt là dịch vụ Quảng cáo truyền thông hoặc Dịch vụ.

Dịch vụ Quảng cáo Truyền thông có các dịch vụ sau:

- **SMS:** là dịch vụ gửi tin nhắn tới các thuê bao mục đích quảng cáo các thông tin tiếp thị, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ.
  - **SMS Flash/USSD:** là dịch vụ tin nhắn hiển thị trực tiếp trên màn hình điện thoại thuê bao di động Viettel khi điện thoại ở chế độ chờ, thuê bao có thể đọc trực tiếp, tương tác hoặc từ chối đọc tin.
  - **Topup:** Là hành động cộng tiền vào tài khoản điện thoại của người dùng Viettel.
  - **Airtime:** Là số tiền mà Bên A mua từ Bên B để Bên B thực hiện topup
  - **Data:** Là dung lượng data 3G/4G tốc độ cao trên mạng Viettel Telecom
  - **Quảng cáo Facebook:** Là hình thức quảng cáo trả phí để hiển thị nội dung quảng cáo trên trang mạng xã hội Facebook, mạng liên kết của Facebook.
  - **Dịch vụ Quảng cáo Google Ads:** Là hình thức quảng cáo trả phí để hiển thị nội dung quảng cáo trên nền tảng của Google và các đối tác liên kết với Google.
  - **CPO (Cost per Order):** Chi phí bên A trả cho bên B trên một đơn hàng đặt thành công.
  - **CPL (Cost per Lead):** Chi phí bên A trả cho bên B trên một kết quả, các hành động của thuê bao mà có lợi cho bên B.
  - **CPS (Cost per Sale):** Chi phí được tính dựa trên doanh thu bán hàng mang lại.
  - **CPC (Cost per click):** Chi phí trên mỗi lượt KH click vào quảng cáo.
  - **CPM (Cost per miles):** Chi phí trên 1.000 lượt hiển thị quảng cáo.
  - **CPI (Cost per install):** Chi phí trên mỗi lượt cài đặt ứng dụng.
  - **CPV (Cost per views):** Chi phí trên mỗi lượt xem video (xem video trên 30s đối với Youtube, trên 10s đối với Facebook).
  - **Dịch vụ Quảng cáo khác** do Bên B phát triển, kết nối và đưa vào kinh doanh trên hệ thống mobile marketing với mục đích quảng cáo, các thông tin tiếp thị, quảng bá về sản phẩm. Dịch vụ theo chính sách giá riêng, tùy theo thời điểm nhu cầu của Bên A. Việc thông báo hình thức quảng cáo khác sẽ được bên B thực hiện bằng Công văn trước khi triển khai thực tế.
- 1.2. **Khách hàng:** là các đối tượng sử dụng thuê bao di động có nhu cầu nhận tin (và chưa từ chối) hoặc có nhu cầu xem dịch vụ quảng cáo.
- 1.3. **Giá cước Dịch vụ:** là số tiền cước sử dụng Dịch vụ mà Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B.
- 1.4. **Mạng viễn thông:** là các mạng di động hiện đang cung cấp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- 1.5. **Brandname:** là tên thương hiệu/nhãn tên mà Bên A muốn hiển thị tại phần người gửi tin đối với các tin nhắn Bên A gửi đến cho các khách hàng thông qua hệ thống của Bên B.
- 1.6. **Chiến dịch quảng cáo:** Là chương trình quảng cáo sản phẩm, dịch vụ của bên A được diễn ra trong khoảng thời gian nhất định do bên A quy định.

## **Điều 2: Nội dung hợp tác**

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ Quảng cáo truyền thông trên Mobile cho Bên A để Bên A khai thác, sử dụng và kiểm soát nội dung quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

2.1 Bên A và bên B thống nhất các điều khoản cụ thể về: Quyền và nghĩa vụ của Hai bên; quy định về tạm ngừng dịch vụ hoặc ngừng cung cấp dịch vụ; quy định về đăng ký thương hiệu;

quy định về giải quyết tranh chấp và các điều khoản chung khác sẽ được tuân theo quy định của bên B «Điều khoản sử dụng» đã được đăng tải tại mục ĐIỀU KHOẢN và «Nội dung, quy định sử dụng dịch vụ SMSBrandname» đã được đăng tải tại mục GIÁ DỊCH VỤ trên website dịch vụ (<https://ads.viettel.vn/dieu-khoan.html> và

<http://tinnhanthuonghieu.vn/price/forms>). Quy định này là một phần không thể tách rời khỏi hợp đồng và có giá trị ràng buộc các bên về các quyền và nghĩa vụ như các thỏa thuận trong hợp đồng. Khi có sự thay đổi các nội dung quy định, Bên B sẽ công bố bằng văn bản thông qua website dịch vụ trước 5 ngày kể từ ngày áp dụng. Trong trường hợp Bên A không chấp thuận theo Quy định mới Bên B thông báo, Bên A có quyền thông báo bằng văn bản và yêu cầu bên B thanh lý hợp đồng.

2.2 Bên B cung cấp cho Bên A Brandname trên mạng Viettel là (Brandname không quá 11 ký tự). Nếu Bên A có nhu cầu thêm Brandname trên mạng Viễn thông thì Bên A cần gửi văn bản có ký và đóng dấu yêu cầu của Bên A hoặc của đối tác thứ ba, kèm theo các hồ sơ, tài liệu chứng minh để Bên B thực hiện.

2.3 Bên B cung cấp các dịch vụ quảng cáo online trên kênh Google/Facebook, có KPI đánh giá cụ thể cho từng chiến dịch theo CPM, CPC, CPO, CPL, CPS... Tài khoản quảng cáo sử dụng là tài khoản do Google/Facebook cung cấp cho Viettel, đảm bảo hoạt động theo quy định của pháp luật.

Quảng cáo được cung cấp theo đơn giá: Chiến dịch do Bên B trực tiếp triển khai. KPI do Bên B đảm bảo theo cam kết thống nhất với Bên A.

### **Điều 3: Quyền và Nghĩa vụ của Bên A**

#### **3.1 Quyền của Bên A**

- a) Được quảng cáo về tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của mình;
- b) Quyết định hình thức và phương thức quảng cáo theo quy định của Pháp luật.

#### **3.2 Nghĩa vụ của Bên A**

- Thanh toán phí dịch vụ cho Bên B theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin quảng cáo được cung cấp qua hệ thống Dịch vụ trên mạng Viễn thông Viettel, đảm bảo các nội dung thông tin này là chính xác, trung thực, hợp pháp, không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam;
- Đảm bảo có quyền sở hữu hoặc sử dụng, cung cấp các thông tin quảng cáo một cách hợp pháp không phải tin nhắn rác và thuê bao nhận tin là thuê bao đã đăng ký nhận tin quảng cáo theo quy định Nhà Nước và Pháp luật về Quảng cáo tin nhắn và Chống thư rác;
- Xuất trình danh sách thuê bao đồng ý nhận tin quảng cáo khi có yêu cầu thanh kiểm tra từ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Cung cấp cho Bên B thông tin cần thiết, trung thực, chính xác về cơ quan, tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo và chịu trách nhiệm về các thông tin đó;
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phù hợp với nội dung quảng cáo và liên đới chịu trách nhiệm về sản phẩm quảng cáo;
- Cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo khi Bên B hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp sử dụng tài khoản quảng cáo để thực hiện các hành vi cấm trong hoạt động quảng cáo
- Trong mọi trường hợp Bên A không có nhu cầu sử dụng dịch vụ nữa và muốn thanh lý hợp đồng trong khi tài khoản dịch vụ của bên A vẫn còn tiền thì số tiền này sẽ không được Bên B hoàn lại tiền dịch vụ cho Bên B theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4: Quyền và Nghĩa vụ của Bên B**

##### **4.1 Quyền của Bên B**

- Yêu cầu Bên A trả tiền dịch vụ theo thỏa thuận trong Hợp đồng này;
- Kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo của tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần quảng cáo của Bên A;
- Yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo;
- Được thay đổi điều kiện dịch vụ vì lợi ích của Bên A mà không nhất thiết phải chờ ý kiến của Bên A, nếu việc chờ ý kiến sẽ gây thiệt hại cho Bên A, nhưng Bên B sẽ báo ngay cho Bên A biết;
- Trường hợp Bên A vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thì Bên B có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

##### **4.2. Nghĩa vụ của Bên B**

- Đảm bảo hệ thống chất lượng dịch vụ và duy trì hoạt động ổn định của mạng lưới theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, đáp ứng các yêu cầu sử dụng Dịch vụ của khách hàng theo đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm;
- Cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản quy định trong Hợp đồng này;
- Cung cấp tài liệu liên quan đến sản phẩm quảng cáo khi người tiếp nhận quảng cáo hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5: Cước, phụ phí và chiết khấu dịch vụ**

- 5.1 Giá cước, phụ phí, chiết khấu dịch vụ được quy định tại Phụ lục hợp đồng.
- 5.2 Tùy theo tình hình thực tế và quy định pháp luật và phù hợp với quy định về thanh toán, đối soát quy định trong hợp đồng tại từng thời kỳ, Bên B có quyền thay đổi giá cước, phụ phí, chiết khấu Dịch vụ và thông báo bằng văn bản cho Bên A biết để phối hợp thực hiện trước 5 ngày kể từ ngày áp dụng chính sách giá mới. Trong trường hợp này, Bên B sẽ có thông báo bằng văn bản (thông báo, email, fax) cho Bên A và thời điểm áp dụng cước mới được thực hiện theo văn bản cước của Bên B. Đây là văn bản bổ sung và thay đổi Hợp đồng, hai bên thỏa thuận văn bản thông báo này có hiệu lực mà không cần Bên A xác nhận hay ký vào văn bản.
- 5.3 Trong trường hợp Bên A không chấp thuận theo chính sách giá mới Bên B thông báo, Bên A có quyền thông báo bằng văn bản và yêu cầu bên B thanh lý hợp đồng.

#### **Điều 6: Phí dịch vụ, phương thức thanh toán, kiểm soát số liệu**

Theo phụ lục hợp đồng.

#### **Điều 7: Thời hạn của Hợp đồng**

- 7.1. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 (hai) năm kể từ ngày ký kết. Nếu trong vòng 30 ngày trước khi hết hạn HĐ hai Bên vẫn tiếp tục có nhu cầu hợp tác thì hai bên sẽ thực hiện đàm phán và ký kết phụ lục gia hạn thêm các năm tiếp theo. Trong trường hợp không còn nhu cầu hợp tác thì hết hạn hợp đồng hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực.

Đầu mối liên hệ:

| TT | Công việc  | BÊN A | BÊN B         |
|----|------------|-------|---------------|
| 1  | Kỹ thuật   |       |               |
| 2  | Kinh doanh |       | Email:<br>SDT |

Hợp đồng được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản để thực hiện.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Nguyen Van A da ky hop dong online, ngay 03/08/2019, 14:04:12

## PHỤ LỤC 01

Kèm theo và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng cung cấp dịch vụ Quảng cáo Truyền thông trên mạng Viễn thông số: **- VTADS/VDS/VIETTEL-...../20... ký ngày** ...../..... giữa Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel và.....

### PHẦN A. GIÁ CƯỚC VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU PHÍ

#### I. GIÁ CƯỚC VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU PHÍ DỊCH VỤ:

##### 1. Phương thức tính cước: Tổng số Tin nhắn thành công \* Giá cước 01 (một) SMS

Trong đó: Tin nhắn thành công là: Tin nhắn xuất phát từ thương hiệu/đầu số được Bên B cấp cho Bên A theo hợp Hợp đồng này được gửi thành công đến hệ thống tổng đài sms của Bên B.

##### 2. Giá cước, phụ phí, chiết khấu dịch vụ Quảng cáo (đồng, đã bao gồm 10% VAT)

###### 2.1 Dịch vụ viễn thông

- Giá cước SMS (đồng/sms,) được xác định như sau:

| STT | Nhóm      | Phân loại                                                                                                                                                                   | Viettel | Mobi Vina GTel               | VNM  |
|-----|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------|------|
| 1   | Nhóm 1    | Tin nhắn thuộc lĩnh vực khác                                                                                                                                                | 500     | 550                          | 1800 |
| 2   | Nhóm 2    | Tin nhắn quảng cáo lĩnh vực bất động sản                                                                                                                                    | 200     | Mobi, Vina: 300<br>Khác: 550 |      |
| 3   | Nhóm 3_UD | Tuyển sinh - tuyển dụng                                                                                                                                                     | 200     | 550                          |      |
| 4   | Nhóm 4_UD | Nhóm Ưu đãi (Priority) áp dụng cho các lĩnh vực: Hóa mỹ phẩm – làm đẹp, giải trí, thời trang, thực phẩm đồ uống, Y tế - Dược, siêu thị - TTMT, Du lịch, thương mại điện tử. | 350     | 550                          |      |

Phí khai báo và duy trì brandname của mạng Vietnamobile: 50.000 đ/tháng/brandname. Các mạng khác miễn phí

- **Chính sách LBS/nhắn tin theo mục tiêu nội mạng:** Chính sách giá cao hơn 30% so với giá cước tin nhắn quảng cáo hiện hành và sẽ tự động điều chỉnh khi có thay đổi, chi tiết như sau:

| Nhóm    | Nội dung                                                                                                                                                                    | Đơn giá (VNĐ/tin nhắn) |
|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| LBS1    | Tin nhắn thuộc lĩnh vực khác                                                                                                                                                | 650                    |
| LBS2    | Tin nhắn quảng cáo lĩnh vực bất động sản                                                                                                                                    | 260                    |
| LBS3_UD | Tuyển sinh - tuyển dụng                                                                                                                                                     | 260                    |
| LBS4_UD | Nhóm Ưu đãi (Priority) áp dụng cho các lĩnh vực: Hóa mỹ phẩm – làm đẹp, giải trí, thời trang, thực phẩm đồ uống, Y tế - Dược, siêu thị - TTMT, Du lịch, thương mại điện tử. | 455                    |

##### - Giá bán tin nhắn Flash/USDD

| Nội dung         | Đơn vị | Đơn giá | Ghi chú                                                                        |
|------------------|--------|---------|--------------------------------------------------------------------------------|
| SMS Flash (Text) | CPM    | 150.000 | 1.000 lượt hiển thị                                                            |
|                  | CPC    | 3.000   | Lượt click OK/đồng ý (áp dụng cả kênh SMS khi KH click vào URL trong tin nhắn) |

##### - Giá gói cho survey

| Click/Survey | Đơn vị   | Tin Flash | Topup khách hàng           | Ghi chú                         |
|--------------|----------|-----------|----------------------------|---------------------------------|
| < 5 click    | Khảo sát | 3.000     | Theo chính sách của survey | Chi phí topup nhà quảng cáo trả |
| > 5 click    | Khảo sát | 5000      |                            |                                 |

- **Tỷ lệ chiết khấu :** Mức chiết khấu theo từng giá trị đơn hàng cụ thể

| STT | Giá trị đơn hàng<br>( triệu đồng) | Trả trước<br>Chiết khấu trực tiếp trên<br>đơn hàng | Thời hạn sử dụng |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------------|------------------|
| 1   | < 100                             | 0 %                                                | 6 tháng          |
| 2   | $100 \leq \text{ĐH} < 200$        | 5%                                                 | 6 tháng          |
| 3   | $200 \leq \text{ĐH} < 400$        | 7%                                                 | 6 tháng          |
| 4   | $400 \leq \text{ĐH} < 600$        | 9%                                                 | 6 tháng          |
| 5   | $600 \leq \text{ĐH} < 800$        | 11%                                                | 6 tháng          |
| 6   | $800 \leq \text{ĐH} < 1000$       | 13%                                                | 6 tháng          |
| 7   | $\geq 1000$                       | 15%                                                | 6 tháng          |

## 2.2 Giá cước trên kênh Google và Facebook

- **Giá cước quảng cáo trên kênh Google** (Đã bao gồm thuế VAT và thuế nhà thầu)

| Stt | Hình thức quảng cáo | Đơn vị tính                           | Đơn giá (VNĐ) | Ghi chú                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|---------------------|---------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quảng cáo hiển thị  | CPM<br>(1.000<br>lượt hiển<br>thị)    | 15.000        | -Quảng cáo được tối ưu để hiển thị<br>nhiều lần nhất có thể, tăng nhận diện<br>thương hiệu.<br>-Vị trí hiển thị quảng cáo: các trang của<br>Google và đối tác như Youtube, báo<br>điện tử (24h, Baomoi,...), các trang<br>nghe nhạc, xem phim,... |
| 2   | Quảng cáo tìm kiếm  | CPC<br>(Click vào<br>landing<br>page) | 7.000         | -Hiện quảng cáo của trang web ở vị trí<br>cao khi KH tìm kiếm các từ khóa liên<br>quan đến sản phẩm trên Google<br>-Thu hút KH truy cập vào landing page<br>hoặc gọi điện lên tổng đài.                                                           |
| 3   | Quảng cáo banner    | CPC<br>(Click vào<br>landing<br>page) | 2.000         | -Quảng cáo xuất hiện trên tất cả<br>các trang của Google và đối tác:<br>Youtube, báo điện tử, giải trí,...<br>-Thu hút KH truy cập vào landing page.                                                                                              |
| 4   | Quảng cáo video     | CPV<br>(Lượt xem<br>video)            | 200           | Quảng cáo trên Youtube thu hút lượt<br>xem 30s video của doanh nghiệp<br>-Thu hút khách hàng xem video, truy<br>cập landing page.                                                                                                                 |

**(Phí quảng cáo trừ ngay tại thời điểm đặt hàng thành công)**

- **Giá cước quảng cáo trên kênh Facebook:** (Đã bao gồm thuế VAT và thuế nhà thầu)

| Stt | Hình thức quảng cáo | Đơn vị tính    | Đơn giá (VNĐ) | Ghi chú                                                                                     |
|-----|---------------------|----------------|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quảng cáo hiển thị  | CPM<br>(1.000) | 30.000        | -Quảng cáo được tối ưu để hiển thị<br>nhiều lần nhất có thể, tăng nhận diện<br>thương hiệu. |

|   |                                  |                         |       |                                                                                                                              |
|---|----------------------------------|-------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                                  | lượt hiển thị)          |       | -Hiển thị quảng cáo trên Facebook, Instagram, Messenger và các trang thuộc mạng lưới Audience Network                        |
| 2 | Quảng cáo tương tác với bài post | CPC (Click vào website) | 1.000 | -Quảng cáo được tối ưu để thu hút nhiều lượt tương tác nhất có thể.<br>-Tương tác được tính bằng tổng: comment, like, share. |
| 3 | Quảng cáo truy cập link          | CPC (Click vào website) | 5.000 | Thu hút KH truy cập vào landing page                                                                                         |
| 4 | Quảng cáo video                  | CPV (Lượt xem video)    | 150   | Thu hút KH xem 10s video trên Facebook                                                                                       |
| 5 | Quảng cáo tăng like fanpage      | CPC (Lượt like page)    | 4.000 | Thu hút KH like fanpage, phục vụ mục đích phát triển cộng đồng                                                               |

**(Phí quảng cáo trừ ngay tại thời điểm đặt hàng thành công)**

- Với các quảng cáo bán hàng khác, hai bên sẽ cùng thống nhất đơn giá triển khai theo từng chiến dịch. \*Báo giá sẽ thay đổi theo từng sản phẩm truyền thông

**Lưu ý:**

- Đơn hàng trả trước có hiệu lực 6 tháng sử dụng kể từ ngày nạp tiền và toàn bộ tiền tồn sau thời hạn sử dụng này sẽ bị khóa cho tới lần nạp tiền tiếp theo.
- Với đơn hàng trả trước: Cách tính chiết khấu trên đơn hàng sẽ được thực hiện theo phương thức: Bên A mua đơn hàng đạt được số tiền theo hạn mức chiết khấu sẽ được trừ trực tiếp chiết khấu trên đơn hàng. Số tiền Bên A cần nộp và tài khoản của Bên B sẽ là số tiền sau khi đã trừ chiết khấu.
- Mức chiết khấu theo hạn mức tổng tiền trên áp dụng cho cả tin nhắn nội mạng và ngoài mạng Viettel.

**II. GIÁ CƯỚC VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ THU PHÍ DỊCH VỤ CỘNG THƯỜNG**

**1. Airtime**

| Hình thức                                 | Ghi chú                                                 |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Cộng tiền vào tài khoản (khuyến mại, gốc) | Doanh nghiệp trả tiền bằng số tiền cộng cho khách hàng. |

**2. Data**

Đối với doanh nghiệp có nhu cầu triển khai mua các gói data của Viettel để tặng cho khách hàng của mình.

| Hình thức                                                           | Đơn giá (dựa trên giá gói cước data Tom30) |
|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| Gói lưu lượng lớn data để sử dụng cho các sản phẩm hoặc tặng cho KH | 30đ/MB                                     |

**Tỷ lệ chiết khấu:** 4,2% đối với đơn hàng từ 500 triệu đồng và có thời hạn sử dụng trong 6 tháng



## PHẦN B. QUI ĐỊNH THANH TOÁN VÀ KIỂM SOÁT SỐ LIỆU

### 1. Quy định về thanh toán, đối soát

**1.1.** Cách thức trừ tiền: tin nhắn và phí duy trì dịch vụ sẽ được trừ vào tài khoản tiền mà đối tác đã nạp vào hệ thống bằng hình thức chuyển khoản hoặc thông qua các kênh Bankplus, Vtpay.

### **1.2. Hình thức nạp tiền trả trước, xuất hóa đơn qua chuyển khoản, lập đơn hàng**

- Bên A gửi yêu cầu đặt hàng theo mẫu của Bên B kèm ủy nhiệm chi tiền nộp tương ứng với số tiền theo đơn đặt hàng
- Bên B kiểm tra tiền đã về tài khoản sẽ thực hiện nạp tiền và xuất hóa đơn theo số tiền Bên A chuyển. Hóa đơn điện tử gửi về email do bên A đăng ký.
- Các quy định về thanh toán
  - Thanh toán bằng tiền Việt Nam (VNĐ).
  - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
  - Chi tiết thông tin Tài khoản của bên B:

**Tên Chủ tài khoản:** Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội

**Số tài khoản:** 0514100186601

**Mở tại:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ - Hà Nội.

**Nội dung nộp tiền:** “ Công ty...nộp tiền Dịch vụ <tên dịch vụ> theo đơn đặt hàng số....ngày/tháng/năm.”

### 2. Kiểm soát số liệu

- Các thông tin về số liệu và cách tính cước đã được bên B cung cấp cho bên A thông qua website dịch vụ.
- Trong trường hợp bên A xác minh có bất thường về việc trừ tiền của dịch vụ cần thông báo cho bên B không quá 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh bất thường về số liệu.

**Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo qua mạng viễn thông số: -VTADS/VDS/VIETTEL**

...../20..... ký ngày ...../...../20.... giữa Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel...và .....